

Số: *M* /2026/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *08* tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không đảm bảo hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 35/TTr-SXD ngày 02 tháng 02 năm 2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không đảm bảo hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa

cháy trên địa bàn tỉnh Hưng Yên theo điểm a khoản 6 Điều 55 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15.

2. Quyết định này chỉ áp dụng khi thực hiện cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị hiện hữu, không áp dụng đối với các khu vực đô thị được quy hoạch, đầu tư xây dựng mới.

3. Những nội dung không quy định trong Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông phục vụ chữa cháy là khu vực đô thị có hạ tầng giao thông không đáp ứng yêu cầu tại mục 6.2, 6.5 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-BXD (sau đây viết tắt là QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD).

2. Khu vực đô thị không bảo đảm nguồn nước phục vụ chữa cháy là khu vực đô thị không có nguồn nước hoặc có nguồn nước nhưng không đáp ứng các yêu cầu về:

a) Lưu lượng nước chữa cháy theo quy định tại mục 5.1.2 QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD.

b) Bán kính phục vụ của các bồn, bể, trụ nước chữa cháy ngoài nhà, hồ nước chữa cháy tự nhiên và nhân tạo theo quy định tại mục 5.1.5.9 QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD.

c) Khoảng cách giữa các họng nước chữa cháy theo quy định tại mục 2.10.5 QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD (sau đây viết tắt là QCVN 01:2021/BXD).

3. Khu vực đô thị không có khả năng cải tạo, chỉnh trang đường giao thông phục vụ chữa cháy là khu vực đô thị hiện hữu có mật độ xây dựng cao, không gian hạn chế, các công trình xây dựng đã ổn định không có khả năng mở rộng, nâng cấp đường giao thông hiện có hoặc việc cải tạo, chỉnh trang sẽ làm ảnh hưởng đến kết cấu và an toàn của các công trình hiện hữu.

Điều 4. Quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm hạ tầng giao thông phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy

1. Đối với khu vực đô thị có khả năng cải tạo, chỉnh trang:

a) Nâng cấp, bố trí đường giao thông, đảm bảo cho phương tiện của lực lượng chữa cháy tiếp cận, đáp ứng theo quy định tại mục 6.2 QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD.

b) Trường hợp đường giao thông tiếp giáp công trình là đường cụt, có chiều rộng thông thủy của mặt đường không bảo đảm để quay đầu cho phương tiện chữa cháy và cách vị trí đầu nối vào tuyến đường với khoảng cách lớn hơn 100m thì nâng cấp, cải tạo, bố trí bãi quay xe chữa cháy, đáp ứng quy định tại mục 6.4 QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD.

c) Trường hợp đường giao thông tiếp giáp công trình có kích thước chiều rộng nhỏ hẹp chỉ đủ cho một làn xe chạy thì nâng cấp, cải tạo, bố trí các đoạn đường mở rộng, chịu được tải trọng tối thiểu để xe chữa cháy và các loại xe khác có thể tránh nhau, đáp ứng quy định tại mục 6.5 QCVN 06:2022/BXD.

d) Đường giao thông phải đảm bảo thông thoáng tại mọi thời điểm; phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật để xe chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy theo quy định tại QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan về phòng cháy và chữa cháy; mặt đường phải bảo đảm chịu được tải trọng của xe chữa cháy theo yêu cầu thiết kế và phù hợp với chủng loại phương tiện của cơ quan Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

2. Đối với các khu vực đô thị không có khả năng cải tạo, chỉnh trang đường giao thông phục vụ chữa cháy thì phải tính toán bố trí lối thoát hiểm, phương án chống cháy lan đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy theo quy định hiện hành.

Điều 5. Quy định về cải tạo, chỉnh trang đối với các khu vực đô thị không bảo đảm nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy

1. Đối với khu vực đô thị không có nguồn nước phục vụ chữa cháy thì bố trí các bồn, bể trữ nước cho chữa cháy theo quy định tại mục 5.1.5 QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD.

2. Đối với khu vực đô thị có nguồn nước nhưng không đáp ứng yêu cầu về lưu lượng nước chữa cháy thì phải cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước để đảm bảo lưu lượng nước theo quy định tại mục 5.1.2 QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD.

3. Đối với khu vực đô thị có nguồn nước nhưng không đáp ứng yêu cầu về khoảng cách giữa các họng nước chữa cháy thì phải bố trí, bổ sung các họng nước đảm bảo quy định tại mục 2.10.5 QCVN 01:2021/BXD.

4. Đối với khu vực đô thị có nguồn nước nhưng không đáp ứng yêu cầu về bán kính phục vụ của các bồn, bể, trụ nước chữa cháy ngoài nhà, hồ nước chữa cháy tự nhiên và nhân tạo thì phải nâng cấp, cải tạo, chỉnh trang đảm bảo theo quy định tại mục 5.1.5.9 QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh tổ chức hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

b) Xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc (nếu có); trường hợp vượt thẩm quyền thì tổng hợp, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

2. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức hướng dẫn việc triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước.

b) Thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát, thống kê đối với hạ tầng giao thông và nguồn nước phục vụ chữa cháy đảm bảo quy định tại Điều 4, Điều 5 Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan.

c) Tham gia ý kiến về hồ sơ thiết kế có liên quan đến hệ thống điện phục vụ phòng cháy và chữa cháy, phương tiện, hệ thống phòng cháy và chữa cháy của các dự án cải tạo, chỉnh trang khu vực đô thị theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Xây dựng, Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị theo quy định.

b) Hướng dẫn các địa phương, cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện cải tạo, chỉnh trang đô thị theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Quyết định này cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trên phạm vi địa bàn quản lý được biết để thực hiện.

b) Rà soát các khu vực đô thị trên phạm vi địa bàn quản lý không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định của Quyết định này; lập danh sách các khu vực đô thị cần cải tạo, chỉnh trang, báo cáo cấp có thẩm quyền làm cơ sở thực hiện cải tạo, chỉnh trang.

5. Các đơn vị cấp nước

a) Tăng cường đầu tư, nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước trong vùng phục vụ, nâng cao chất lượng cấp nước để đảm bảo lưu lượng phục vụ chữa cháy theo quy định.

b) Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống cấp nước tập trung và các họng, trụ nước chữa cháy.

6. Các tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Thực hiện việc đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang khu vực đô thị đảm bảo phù hợp với Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan.

b) Chấp hành các quy định về phòng cháy và chữa cháy trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản đó.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng Sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các đơn vị cấp nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ Xây dựng (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, KT1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Nam